TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST Ngày: 13-01-2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Xuân Tuấn.

2. Bà Phạm Thị Thuỷ.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên toà: Ông Nông Văn Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thụ lý số 187/2024/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2024 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại các phiên hòa giải, nguyên đơn chị Vi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị H và anh Vi Văn Đại tự D tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục truyền thống, vợ chồng chị về chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn do thiếu hiểu biết và không để ý đến thủ tục kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, cho đến tháng 8/2017 bắt đầu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Vi Văn Đ thường xuyên hay tụ tập bạn bè, rượu chè về là chửi bới đánh đập vợ, không cần có lý do cũng đánh chị; ngoài ra anh Vi Văn Đ còn đập phá nhà cửa đồ đạc trong nhà khiến cho mái nhà và đồ đạc hỏng hết. Sau nhiều lần xảy ra chị cũng cố nhẫn nhịn khuyên bảo để vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng anh Đ vẫn không chịu thay đổi khiến cuộc sống hôn nhân của anh chị không được hạnh phúc, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống gia đình luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột, cãi vã nhau thường xuyên dẫn đến cuộc sống không được hòa hợp. Gia đình nội ngoại hai bên cũng có khuyên nhủ và hòa giải cho vợ chồng chị nhưng không có kết quả.

Mâu thuẫn chồng chất theo thời gian mà không thể hoá giải được dẫn đến ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, căng thẳng, lo lắng bạo lực gia đình nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tồn tại, mâu thuẫn bạo lực gia đình không thể giải quyết. Chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Vi Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Vi Văn D1, sinh ngày 21/6/2005 và Vi Ngọc Á, sinh ngày 09/7/2011. Hiện cháu Vi Văn D1 đã trưởng thành, chị Vi Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Ngọc Á, sinh ngày 09/7/2011 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vi Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng được tự do tìm hiểu, và hai bên gia đình tổ chức lễ cưới; anh chị về chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng chưa đăng ký kết hôn.

Tháng 8/2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do anh Đ có tụ tập bạn bè rượu chè, uống rượu không làm chủ được bản thân về nhà có hay chửi bới vợ con. Ngoài ra do vợ đi làm công ty xa nhà khiến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách, hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống gia đình luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột, cãi vã nhau thường xuyên. Gia đình nội ngoại hai bên cũng có khuyên nhủ và hòa giải cho vợ chồng nhưng không được. Cả hai đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay

không quan tâm cuộc sống của nhau

Anh Vi Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tồn tại, mâu thuẫn gia đình không thể giải quyết; nay chị Vi Thị H yêu cầu Toà án giải quyết xử lý cho ly hôn không công nhận quan hệ vợ chồng với anh , anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung, hiện cháu Vi Văn D1 đã trưởng thành, nên anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết. Khi ly hôn, anh Đại đồng Ý để chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Vi Ngọc Á, sinh ngày 09/7/2011 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đảm bảo đúng quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát là đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án; đề nghị áp dụng khoản 5, 7 Điều 3, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vi Thị H và anh Vi Văn Đ.

Về con chung**:** Chị Vi Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Vi Ngọc Á, sinh ngày 09/7/2011 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung**:** Không có. Chị Vi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vi Thị H có yêu cầu khởi kiện giải quyết về quan hệ hôn nhân nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Cả hai đương sự đều cư trú tại thôn H, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, hồ sơ thể hiện đã có lời khai trình bày ý kiến của các đương sự nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, căn cứ vào lời khai, lời trình bày của các đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Toà án thu thập có đủ cơ sở để xác định: Chị Vi Thị H và anh Vi Văn Đại tự D tìm hiểu yêu thương, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên cả hai người đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 30/12/2024, Ủy ban nhân dân xã Y xác nhận, từ ngày 01/01/2004 đến nay chị Vi Thị H và anh Vi Văn Đ không có đăng ký kết hôn tại cơ quan. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, xích mích nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị H và anh Đ trong suốt thời gian dài từ năm 2004 đến nay và đã có hai người con chung sinh năm 2005 và 2011 mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Thực tế anh chị đã ly thân đến nay đã hơn 06 năm không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, cả hai xác định tình cảm không còn và đều nhất trí được ly hôn giải thoát cho nhau, do vậy việc chị Vi Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Vi Văn Đ là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Cả hai bên đương sự thừa nhận quá trình chung sống có 02 người con chung là Vi Văn D1, sinh ngày 21/6/2005 và Vi Ngọc Á, sinh ngày 09/7/2011. Hiện cháu Vi Văn D1 đã trưởng thành, do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi ly hôn, các bên đương sự thống nhất để chị Vi Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Vi Ngọc Á, sinh ngày 09/7/2011 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi và điều kiện thực tế về công việc, chỗ ở của chị Vi Thị H. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị Vi Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vi Ngọc Á đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi theo thỏa thuận thống nhất của các đương sự. Anh Vi Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vi Thị H và anh Vi Văn Đ đều xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với các

nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Vi Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5, 7 Điều 3, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vi Thị H và anh Vi Văn Đ.

2. Con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Vi Văn D1, sinh ngày 21/6/2005 và Vi Ngọc Á, sinh ngày 09/7/2011, hiện cháu Vi Văn D1 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi ly hôn, chị Vi Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Vi Ngọc Á, đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Vi Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Vi Thị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Vi Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; xác nhận đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004888 ngày 12/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Yên Sơn, huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường